

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/7/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T. -TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T. - tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T. tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T. xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 872/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 59/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ L. sinh năm 1987.

Bị đơn: Ông Cao Văn T. sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L. có đơn xin vắng mặt, ông T. vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

Bà và ông Cao Văn T kết hôn vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T không có trách nhiệm với gia đình. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung là Cao Hoàng P, sinh ngày 31/10/2015. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Cao Văn T vắng mặt nên không có lời khai.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, còn nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo lời khai của bà L thì sau khi bà và ông T kết hôn chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T không có trách nhiệm với gia đình. Do tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn nên bà xin được ly hôn với ông T. Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện hòa giải cho bà L và ông T hàn gắn đoàn tụ nhưng bà L vẫn cương quyết xin ly hôn còn ông T vắng mặt không lý do, cho thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, ông T có thái độ bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm và mối quan hệ hôn nhân với bà L. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[4] Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung là Nguyễn Cao Hoàng P, sinh ngày 31/10/2015. Ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Theo chứng cứ do bà L cung cấp thể hiện bà L có công việc ổn định với mức thu nhập hàng tháng từ 6.500.000đ đến 7.500.000đ, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Do đó giao cháu P cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà L trình bày trong quá trình chung sống, bà và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung. Do ông T không có lời khai nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp tại biên lai số 0002752 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà L đã nộp đủ án phí.

[7] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 203, 220, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ L được ly hôn với ông Cao Văn T.

Về con chung: Giao con chung tên Cao Hoàng P, sinh ngày 31/10/2015 cho bà Trần Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Cao Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Cao Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm bà Ngà đã nộp tại biên lai số 0002752 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà L đã nộp đủ án phí.

Bà L, ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS (2)
- THA DS (1)
- Lưu (6)
- Đương sự (2)

Nguyễn Hữu Ngọc

